

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29/2020/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp quản lý phương tiện thủy hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 110/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa; Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong đường lĩnh vực thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 24/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2015 của Chính

phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 71/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 132/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải về quản lý hoạt động hàng hải;

Căn cứ Thông tư số 08/2012/TT-BGTVT ngày 23 tháng 3 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về vận tải thủy; Thông tư số 03/2013/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2012/TT-BGTVT ngày 23 tháng 3 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về vận tải thủy;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BGTVT ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải quy định về trang bị và sử dụng áo phao cứu sinh, dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân trên phương tiện vận tải hành khách ngang sông;

Căn cứ Thông tư số 19/2013/TT-BGTVT ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Bộ Giao thông vận tải quy định việc áp dụng quy tắc quốc tế về phòng ngừa đâm va tàu thuyền trên biển;

Căn cứ Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 66/2014/TT-BGTVT ngày 12 tháng 11 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu khách

cao tốc giữa các cảng, bến, vùng nước thuộc nội thủy Việt Nam và qua biên giới;

Căn cứ Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 80/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 61/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hàng hóa trên đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải về quản lý đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 39/2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định trách nhiệm của chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện, đảm nhiệm chức danh thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu trên phương tiện thủy nội địa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 9369/TTr-SGTVT-GTT ngày 06 tháng 8 năm 2020, Công văn số 11633/SGTVT-QLĐT ngày 01 tháng 10 năm 2020; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 3203/STP-VB ngày 07 tháng 7 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý các phương tiện thủy hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 12 năm 2020 và thay thế Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế phối hợp quản lý các phương tiện thủy hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban An toàn giao thông Thành phố, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các sở - ban - ngành Thành phố, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Phối hợp quản lý phương tiện thủy hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định trách nhiệm trong công tác phối hợp quản lý hoạt động của phương tiện thủy trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật về giao thông hàng hải và đường thủy nội địa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành Thành phố; Ủy ban nhân dân các quận, huyện; các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quản lý chuyên ngành giao thông hàng hải, đường thủy nội địa.

2. Tổ chức, cá nhân hoạt động vận tải hoặc có hoạt động vận tải liên quan đến lĩnh vực giao thông hàng hải, đường thủy nội địa, có sử dụng phương tiện thủy nội địa và hình thức hoạt động như sau:

a) Phương tiện thủy nội địa (sau đây gọi là phương tiện thủy) là tàu, thuyền và các cấu trúc nổi khác, có động cơ hoặc không có động cơ, chuyên hoạt động trên đường thủy nội địa.

b) Hình thức hoạt động: Hoạt động vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách theo hợp đồng chuyến, vận tải hành khách ngang sông, bến phà, vận tải khách du lịch, vận tải hành khách - hàng hóa và vận tải qua biên giới Việt Nam - Campuchia.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Công tác phối hợp quản lý nhà nước dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mỗi cơ quan sở, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện, các cơ quan, đơn vị có liên quan nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, bảo đảm tính đồng bộ, kịp thời, thống nhất, không chồng chéo trong công tác quản lý, kiểm tra hoạt động của phương tiện thủy.

2. Thực hiện phối hợp theo đúng nguyên tắc, nghiệp vụ, chuyên môn, chế độ bảo mật của mỗi cơ quan; bảo đảm kết quả phối hợp đồng bộ, chặt chẽ đạt hiệu quả và thời gian yêu cầu. Việc phối hợp giữa các cơ quan không được làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của mỗi cơ quan tham gia.

3. Bảo đảm tính khách quan trong quá trình phối hợp; những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện phải được bàn bạc, thống nhất giải quyết theo đúng quy định của pháp luật và chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan liên quan. Đối với những vấn đề chưa thống nhất, cơ quan chủ trì có trách nhiệm tổng hợp báo cáo, đề xuất trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

Điều 4. Phương thức phối hợp

Tùy theo tính chất công việc, có thể áp dụng một hoặc một số phương thức phối hợp sau: Ứng dụng công nghệ thông tin hoặc thông tin trực tiếp bằng điện thoại; lấy ý kiến bằng văn bản; yêu cầu cung cấp thông tin; tổ chức cuộc họp; tổ chức khảo sát, điều tra; thanh tra, kiểm tra; tổ chức đoàn liên ngành; cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan chủ trì hoặc cơ quan phối hợp và thông tin cho cơ quan phối hợp về những vấn đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đó.

Chương II

TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

Điều 5. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì

1. Xây dựng nội dung, chương trình, kế hoạch phối hợp quản lý và tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất; theo đó xác định cụ thể nội dung, đối tượng, thời gian, địa điểm và trách nhiệm phối hợp kiểm tra của từng cơ quan, bảo đảm không bỏ trống hoặc trùng lặp, chồng chéo; gửi thông báo đầy đủ kế hoạch kiểm tra cho các cơ quan phối hợp, đối tượng được kiểm tra và báo cáo cấp trên trực tiếp chỉ đạo.

2. Thủ trưởng cơ quan chủ trì ban hành quyết định thành lập tổ chức phối hợp

kiểm tra; tổ chức các hoạt động phối hợp theo kế hoạch đã được duyệt.

3. Duy trì mối liên hệ với các cơ quan phối hợp, theo dõi đôn đốc việc thực hiện phối hợp đã được phân công đối với mỗi cơ quan liên quan; thông báo cho cơ quan phối hợp về tình hình công việc của cán bộ được cử tham gia.

4. Cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết theo đề nghị của cơ quan phối hợp và các điều kiện bảo đảm khác trong công tác phối hợp.

5. Báo cáo kết quả kiểm tra và đề xuất biện pháp chỉ đạo cho Ủy ban nhân dân Thành phố và cấp có thẩm quyền; chịu trách nhiệm về tiến độ công tác kiểm tra và tính chính xác của báo cáo.

Điều 6. Trách nhiệm của cơ quan phối hợp

1. Tham gia các hoạt động phối hợp; được phép từ chối phối hợp nếu nội dung đề nghị phối hợp không liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan phối hợp.

2. Cử cán bộ đúng thành phần, thẩm quyền, đáp ứng yêu cầu tham gia công tác phối hợp; tạo điều kiện về thời gian cho cán bộ tham gia phối hợp.

3. Cung cấp thông tin, góp ý kiến chuyên ngành quản lý và chịu trách nhiệm theo chức năng quản lý, nội dung thông tin phải bảo đảm chính xác, đầy đủ và kịp thời.

4. Tham gia đóng góp ý kiến về những vấn đề theo yêu cầu của cơ quan chủ trì và chịu trách nhiệm về tính nhất quán, chất lượng của các ý kiến trong các hoạt động phối hợp của cơ quan mình.

5. Được yêu cầu cơ quan chủ trì cung cấp tài liệu, thông tin cần thiết phục vụ cho công tác phối hợp.

Điều 7. Trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ cảng, bến thủy nội địa và đơn vị kinh doanh vận tải đường thủy nội địa

1. Chủ cảng, bến thủy nội địa thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đơn vị kinh doanh vận tải đường thủy nội địa thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 2 Thông tư số

34/2019/TT-BGTVT ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải đường thủy nội địa; tại Điều 5 Thông tư số 61/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hàng hóa trên đường thủy nội địa và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 8. Trách nhiệm của chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện

1. Chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật về giao thông hàng hải và đường thủy nội địa, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Chủ phương tiện thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; tại Điều 4 Thông tư số 39/2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định trách nhiệm của chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện, đảm nhiệm chức danh thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu trên phương tiện thủy nội địa và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Thuyền viên, người lái phương tiện thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 39/2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định trách nhiệm của chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện, đảm nhiệm chức danh thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu trên phương tiện thủy nội địa; tại Điều 23 Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về cảng, bến thủy nội địa và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Chương III CÔNG TÁC PHỐI HỢP QUẢN LÝ

Điều 9. Hoạt động của phương tiện thủy tại bến khách ngang sông

1. Ủy ban nhân dân các quận - huyện có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, quản lý hoạt động của phương tiện vận tải hành khách ngang sông trên địa bàn quận - huyện theo quy định tại Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giao

thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa; Thông tư số 15/2012/TT-BGTVT ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải quy định về trang bị và sử dụng áo phao cứu sinh, dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân trên phương tiện vận tải hành khách ngang sông.

b) Thường xuyên tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và các quy định khác có liên quan trên phạm vi địa bàn quản lý. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý, giải quyết, cứu nạn, cứu hộ các sự cố, tai nạn giao thông đường thủy (nếu có) đối với các loại phương tiện thủy nội địa thô sơ theo thẩm quyền thuộc địa bàn quản lý.

2. Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải, Công an Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố, Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh, Chi cục Đăng kiểm số 6 và các cơ quan, đơn vị liên quan khi cần thiết.

Điều 10. Hoạt động của phương tiện thủy tại cảng, bến thủy nội địa

1. Cảng vụ Đường thủy nội địa có trách nhiệm:

a) Đề nghị Cảng vụ Đường thủy nội địa Khu vực III chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan quản lý hoạt động của phương tiện thủy tại cảng, bến thủy nội địa thuộc thẩm quyền.

b) Cảng vụ Đường thủy nội địa Thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan quản lý hoạt động của phương tiện thủy tại cảng, bến thủy nội địa thuộc thẩm quyền.

2. Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Sở Giao thông vận tải, Công an Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố, Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh, Chi cục Đăng kiểm số 6 và các cơ quan, đơn vị liên quan khi cần thiết.

Điều 11. Hoạt động của phương tiện phà tại bến phà

1. Đề nghị Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường đối với phương tiện phà trong vùng nước cảng biển.

Yêu cầu hoa tiêu, đơn vị lái dặt phối hợp, giữ chế độ thường xuyên thông tin liên lạc với thuyền trưởng phà khi tiến hành lái dặt tàu biển lưu thông qua khu vực bến phà.

2. Sở Giao thông vận tải chỉ đạo Thanh tra Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra thường xuyên, định kỳ điều kiện an toàn hoạt động của phương tiện phà và công trình bến phà đường bộ.

3. Cơ quan phối hợp: Công an Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố, Chi cục Đăng kiểm số 6 và các cơ quan, đơn vị liên quan khi cần thiết.

Điều 12. Hoạt động của phương tiện thủy tại cảng biển

1. Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan quản lý hoạt động của phương tiện thủy tại cảng biển, trong vùng nước cảng biển theo quy định.

b) Kiểm tra, theo dõi hoạt động của phương tiện thủy lắp đặt thiết bị nhận dạng tự động AIS trong vùng nước cảng biển; giám sát hoạt động của phương tiện thủy nội địa theo quy định.

2. Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải, Công an Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố, Cảng vụ Đường thủy nội địa Thành phố, Chi cục Đăng kiểm số 6 và các cơ quan, đơn vị liên quan khi cần thiết.

Điều 13. Bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên đường thủy nội địa

1. Công an Thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tuần tra, kiểm soát, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về giao thông đường thủy nội địa đối với người, phương tiện vận tải hành khách trên tuyến vận tải đường thủy nội địa; chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng điều tra, xử lý tai nạn giao thông đường thủy; thống kê, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố về tai nạn giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn Thành phố.

2. Sở Giao thông vận tải chỉ đạo Thanh tra Sở thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật về hoạt động vận tải đường thủy nội địa; thuyền viên, người lái phương tiện; đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện tại cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện và phương tiện tham gia thi công công trình trên đường thủy nội địa.

3. Cơ quan phối hợp: Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố, Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh, Cảng vụ Đường thủy nội địa Khu vực III, Chi cục Đăng kiểm số 6 và các cơ quan, đơn vị liên quan khi cần thiết.

Điều 14. Quản lý về an ninh trật tự, an toàn xã hội

1. Công an Thành phố chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm về an ninh trật tự và an toàn xã hội đối với hoạt động vận tải hành khách, hàng hóa đường thủy nội địa. Quản lý việc thực hiện đăng ký khách lưu trú trên phương tiện thủy đối với khách du lịch; quản lý người nước ngoài cư trú, làm việc, hoạt động trong lĩnh vực vận tải đường thủy nội địa.

2. Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện quản lý, bảo vệ an ninh trật tự, kiểm soát xuất nhập cảnh, kiểm tra, giám sát biên phòng, cấp thị thực và các loại giấy phép tại cửa khẩu cảng; đăng ký, kiểm soát đối với tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa và phương tiện thủy nội địa đến, rời cửa khẩu cảng theo Nghị định số 77/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ.

Đối với khu vực biên giới biển, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Công an Thành phố và các lực lượng trong quản lý hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới biển theo Nghị định số 71/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ.

3. Ủy ban nhân dân các quận - huyện có trách nhiệm quản lý về an ninh trật tự và an toàn xã hội trên địa bàn liên quan đến hoạt động của phương tiện thủy theo quy định.

4. Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải, Sở Lao động - Thương Binh và Xã hội, Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh, Cảng vụ Đường thủy nội địa Khu vực III, Chi cục Đăng kiểm số 6 và các cơ quan, đơn vị liên quan khi cần thiết.

Điều 15. Công tác phòng cháy, chữa cháy

1. Công an Thành phố:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện các quy định về phòng cháy, chữa cháy; tổ chức kiểm tra, xử lý những hành vi vi phạm trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy tại các cảng, bến, và phương tiện thủy nội địa vận tải hành khách; tổ chức huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy cho thuyền viên, người lái phương tiện làm việc trên các phương tiện thủy nội địa. Lập hồ sơ quản lý, theo dõi về công tác phòng cháy, chữa cháy của các phương tiện, đặc biệt là các phương tiện chở khách từ 50 người trở lên.

b) Thực hiện công tác quản lý nhà nước về phòng cháy và chữa cháy đối với các phương tiện thủy tham gia giao thông trên địa bàn Thành phố:

Thực hiện theo đúng quy định tại Điều 10 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ;

Thực hiện kiểm tra định kỳ, đột xuất về các điều kiện an toàn phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện thủy theo quy định hiện hành; hướng dẫn các chủ phương tiện thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn phòng cháy và chữa cháy;

Hướng dẫn các chủ bến xây dựng quy định, quy trình thực hiện phòng cháy và chữa cháy trong quá trình xuất nhập hàng hóa có nguy cơ về cháy nổ, quy định về đón trả khách và quy định, quy trình về phòng cháy, chữa cháy khi xảy ra cháy, nổ trong khu vực bến cảng, bến tàu, bến phà; cơ chế phối hợp giữa chủ phương tiện và đơn vị quản bến cảng, bến tàu, bến phà trong xử lý các tình huống cháy, nổ; các điều kiện về cứu nạn, cứu hộ, thực hiện các quy định về vận chuyển hàng có nguy cơ gây cháy, nổ.

2. Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện quy định hiện hành về công tác phòng cháy và chữa cháy theo chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm quản lý.

3. Cơ quan phối hợp: Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố, Sở Giao thông vận tải, Cảng vụ Đường thủy nội địa Khu vực III, Chi cục Đăng kiểm số 6 và các cơ quan, đơn vị liên quan khi cần thiết.

Điều 16. Công tác quản lý đăng ký phương tiện thủy nội địa

1. Sở Giao thông vận tải tổ chức thực hiện việc đăng ký phương tiện thủy nội địa theo quy định, định kỳ báo cáo gửi Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và cung cấp thông tin kịp thời cho các cơ quan có liên quan khi có yêu cầu.

2. Cơ quan phối hợp: Công an Thành phố, Chi cục Đăng kiểm số 6 và các cơ quan, đơn vị liên quan khi cần thiết.

Điều 17. Công tác kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường

1. Trung tâm Quản lý đường thủy chịu trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra điều kiện an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện thủy nội địa tham gia vận tải hành khách thuộc phạm vi trách nhiệm; trọng tâm là các phương tiện chở khách ngang sông, đưa rước hành khách.

b) Định kỳ hàng quý cung cấp thông tin cho Sở Giao thông vận tải và các cơ quan chức năng các phương tiện thủy vận tải hành khách trên địa bàn Thành phố đã

hết hạn đăng kiểm thuộc trách nhiệm của cơ quan mình.

2. Đề nghị Chi cục Đăng kiểm số 6 thực hiện công tác kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy theo quy định của pháp luật có liên quan. Cơ quan đăng kiểm cập nhật kịp thời danh sách các phương tiện (trong đó có tàu chở khách) quá hạn lên trang thông tin điện tử (Website) của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

3. Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải, Công an Thành phố, Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh, Cảng vụ Đường thủy nội địa Khu vực III và các cơ quan, đơn vị liên quan khi cần thiết.

Điều 18. Công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ

1. Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố là cơ quan thường trực, trực tiếp chỉ huy điều hành các lực lượng chức năng của Thành phố đến phối hợp với lực lượng địa phương tại chỗ trong công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ bảo đảm nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả nhằm giảm thiểu tối đa thiệt hại về người và tài sản.

2. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố chủ trì là cơ quan chỉ huy, phối hợp với các đơn vị, địa phương có liên quan thực hiện công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên biển thuộc địa bàn Thành phố và trên các tuyến sông thuộc khu vực biên giới biển.

Đối với sự cố, tai nạn trên biển và vùng biển thuộc các tỉnh giáp ranh Thành phố do cơ quan trung ương chủ trì, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố là cơ quan đầu mối, chỉ huy các lực lượng của Thành phố trong công tác phối hợp tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

3. Công an Thành phố chịu trách nhiệm chủ trì chỉ huy, phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan thực hiện công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên sông, kênh, rạch, hồ thuộc địa bàn Thành phố.

4. Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh chủ trì chỉ huy, phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan thực hiện công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trong vùng nước cảng biển thuộc địa phận Thành phố. Phối hợp với các cơ quan chức năng điều tra tai nạn hàng hải, xử lý vụ việc tai nạn trên tuyến hàng hải, trong phạm vi vùng nước cảng biển theo thẩm quyền.

5. Cảng vụ Đường thủy nội địa Khu vực III, Cảng vụ Đường thủy nội địa Thành phố tổ chức tìm kiếm, cứu người, hàng hóa, phương tiện, tàu biển bị nạn trong vùng

nước cảng, bến thủy nội địa thuộc thẩm quyền quản lý.

6. Cơ quan phối hợp: Ban An toàn giao thông Thành phố, Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan khi cần thiết.

7. Trong trường hợp vượt quá khả năng, thẩm quyền thì lãnh đạo các đơn vị nêu trên báo cáo ngay cho Trưởng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố xem xét, chỉ đạo.

Điều 19. Công tác tuyên truyền

1. Ban An toàn giao thông Thành phố chủ trì, phối hợp các sở, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các cơ quan, đơn vị có liên quan đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về an toàn giao thông hàng hải và đường thủy nội địa; về phòng cháy và chữa cháy; về phòng, chống thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn; về vệ sinh môi trường và các quy định khác có liên quan.

2. Các sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về an toàn giao thông hàng hải, đường thủy nội địa; về phòng cháy, chữa cháy; về phòng, chống thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn; về an toàn vệ sinh môi trường và các quy định khác có liên quan thuộc phạm vi chức năng nhiệm vụ, trách nhiệm và địa bàn quản lý; chú trọng tuyên truyền giáo dục cho đội ngũ thuyền viên, người lái phương tiện thủy.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Công tác báo cáo

1. Hàng quý, các sở, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các cơ quan, đơn vị có liên quan lập báo cáo đánh giá kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân Thành phố **trước ngày 25 của tháng cuối quý**, đồng thời gửi Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

2. Sở Giao thông vận tải định kỳ hàng năm tổ chức giao ban với các sở, ban ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các cơ quan có liên quan để đánh giá tình hình, đề ra nhiệm vụ đối với công tác quản lý phương tiện thủy hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này. Sở Giao thông vận tải là cơ quan thường trực, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế; định kỳ sáu tháng tổng hợp báo cáo tình hình và kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp với Sở Giao thông vận tải thống nhất xem xét đề xuất trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Văn Hoan